TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:07/2023/HNGĐ-ST Ngày: 13 - 3 - 2023 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Xuân Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Điểm

Ông Bùi Trung Thành

***- Thư ký phiên toà*:** Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Lê Hồng Ngoạn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 261/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị T - Sinh năm 1989
Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.
- *Bị đơn:* Anh Lê Văn H - Sinh năm 1988
Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt chị T vắng mặt anh H. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày: Chị và anh Lê Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/12/2010 tại UBND xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc được hơn 8 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không chung thủy với vợ, con thường xuyên nhắn tin qua lại với người phụ nữ khác, về nhà anh H

thường xuyên chửi bới, đánh đập vợ, con. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không thành. Mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải được và càng trở nên trầm trọng kể từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Lê Văn Đ - Sinh ngày 06/01/2011. Hiện tại cháu Đ đang ở với chị, được chị chăm sóc nuôi dưỡng. Nay ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ cho đến khi cháu trưởng thành. Chị tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị Bùi Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn H trình bày: Anh và chị Bùi Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 30/12/2010. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc bình thường cho đến hiện tại mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh H vợ chồng cũng có lúc to tiếng cãi vã nhưng không đến mức trầm trọng, chị T không muốn sống chung với anh nên đã vứt quần áo của anh đi và chị T cũng bỏ đi làm chỗ khác không ở nhà, gần đây anh còn phát hiện chị T còn có mối quan hệ với người đàn ông khác, mâu thuẫn này anh cũng cố gắng bỏ qua, đồng thời anh thuyết phục chị T nhưng hiện tại chị T vẫn nhất quyết xin giải quyết ly hôn với anh. Nay chị T làm đơn đến Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc xin giải quyết ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn vì anh muốn vợ, chồng bỏ qua hết để cùng nhau quay về đoàn tụ.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Lê Văn Điệp - Sinh ngày 06/01/2011. Nếu phải ly hôn nguyện vọng của anh là được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cháu Đ, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Lê Văn H. Vợ chồng có 01 con chung là Lê Văn Điệp - Sinh ngày 06/01/2011. Hiện tại cháu Đ đang ở với chị T, để đảm bảo quyền lợi của con, theo nguyện vọng của cháu Đ đề nghị HĐXX giao cháu Lê Văn Điệp cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền

ngăn cấm, cản trở. Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Lê Văn H. Theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh H lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn chị Bùi Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào quy định tại Điều 227, và Điều 228 bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Lê Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 30/12/2010 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T cho rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh H không thể hòa giải được do anh H không chung thủy có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, về nhà có lời lẽ xúc phạm chị, hành hung, đánh đập vợ con dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã nhau nên hôn nhân không có hạnh phúc, chị T đã bỏ nhà đi không ở chung với anh H kể từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay, thời gian ly thân cũng dài, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Việc này đã được chính quyền xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc xác nhận và cũng phù hợp với nội dung Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân mà Tòa án đã tiến hành thu thập. Quá trình giải quyết vụ án anh H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không đến mức trầm trọng, tuy nhiên trong suốt thời gian chị T bỏ nhà đi về nơi khác ở anh không có cách nào thuyết phục được chị T để vợ chồng quay về đoàn tụ, anh cũng không có phương pháp nào để hàn gắn tình cảm gia đình như trước được, việc chị T vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Lê Văn H.

[3] Về con chung: Chị T và anh H thống nhất trong quá trình chung sống vợ, chồng có với nhau một con chung là cháu Lê Văn Điệp - Sinh ngày 06/01/2011, hiện tại cháu Đ đang ở với chị T cháu được chăm sóc, giáo dục, phát triển và đi học bình thường. Ly hôn chị T có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, con chung là cháu Lê Văn Điệp cho đến khi cháu trưởng thành.

Anh Lê Văn H trình bày: Khi vợ chồng ly thân, chị T đưa cháu Đ cùng đi nơi khác ở với chị, nhưng anh vẫn thường xuyên qua lại thăm nom, đưa đón cháu đi chơi sau đó anh lại đưa cháu về đi học. Hiện tại cháu Đ đang ở với chị T được chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là cháu Lê Văn Điệp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh H đều có đủ điều kiện để nuôi con. Chị T có chỗ ở ổn định cùng bố, mẹ đẻ tại thôn Quang Sơn, xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa. Anh H làm nghề tự do có thu nhập và có chỗ ở ổn định. Tuy nhiên từ khi vợ chồng ly thân cháu Đ ở ổn định với chị T, được chị nuôi dậy phát triển tốt về mọi mặt, được đảm bảo quyền lợi, hơn nữa cháu Đ cũng có ý kiến của mình là khi bố, mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở chị T, do đó HĐXX xét thấy việc giao cháu Đ cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với tình hình thực tế và nguyện vọng của cháu Đ, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Lê Văn Điệp cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đúng theo quy định của pháp luật. Anh Lê Văn H không trực tiếp nuôi con có quyền được đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án chị T và anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Theo quy định của pháp luật người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên chị T xác định chị vẫn đảm bảo đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt nên chị tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử nghĩ cần chấp nhận ý kiến của đương sự.

[5] Về chia tài sản chung: Chị Bùi Thị T và anh Lê Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên về tài sản chung hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Buộc chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; 147; 227; 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Lê Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Văn Đ - Sinh ngày 06/01/2011 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Lê Văn H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm việc ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000344 ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa. Chị Bùi Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị T vắng mặt anh H. Chị Bùi Thị T và anh Lê Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Lặc;
- UBND xã Quang Trung;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Điểm **Bùi Trung Thành** **Phạm Xuân Thành**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Điểm **Bùi Trung Thành** **Phạm Xuân Thành**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Đức Hoàn **Bùi Trung Thành** **Phạm Xuân Thành**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Đức Hoàn **Phạm Văn Điểm** **Phạm Xuân Thành**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Trung Thành **Lê Hữu Đại** **Phạm Xuân Thành**